TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2025/HC-ST
Ngày: 17-6-2025
Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Lê Phương

+ *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đoàn Văn Tám, bà Phan Thị Vi Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 133/2024/TLST-HC ngày 24/5/2024, về việc "*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện*:* Ông Nguyễn N, sinh năm 1954. Địa chỉ: 1 đường V, khu phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Xuân V – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố P (vắng mặt); Bà Phạm Thị Minh H - Luật sư thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh B. (Có mặt) (theo công văn số 3960/UBND-NC ngày 12/6/2025)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1981, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm

1986. Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Có mặt)

3.2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983, bà Trần Thị Q, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số H đường L, khu phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện trình bày: Cha ông Nguyễn N là ông Nguyễn B - sinh 1923 (chết 2008), mẹ là Nguyễn Thị D - sinh 1932 (chết 1985) chết trước năm 1992. Cha, mẹ ông sinh được 07 người con gồm: Nguyễn Thị N1 - Nguyễn Thị N2 (Đ) Nguyễn Văn T1- Nguyễn Thị M- N - N (chết) - N (chết). Ông Nguyễn N và hai con của ông là người liên quan trong đơn khởi kiện là Nguyễn Anh T- sinh 17/9/1981 và Nguyễn Văn H1- sinh 31/8/1983.

Nguồn gốc căn nhà cấp 4, nằm trên diện tích đất 69m², toạ lạc tại Khu phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận: Sau khi mẹ ông qua đời đến năm 1992, cha ông, cụ Nguyễn B- sinh 1923 (chết 2008) đã mua 01 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 69m² của ông Trần Thanh H2- sinh 1955, tại khu phố G, phường H, thành phố P bằng giấy tay. Nay là thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 67,6m². Quá trình sử dụng nhà, đất của gia đình từ năm 1992 đến nay ổn định, không có kiện tụng hay tranh chấp xảy ra, hàng năm gia đình vẫn nộp thuế nhà và đất đầy đủ theo quy định. Năm 2008, cụ Nguyễn B chết không để lại di chúc. Ông Nguyễn N là con trưởng trong gia đình tiếp tục quản lý nhà, đất, có trách nhiệm thờ cúng ông bà, tổ tiên; hàng năm, anh chị em về đây cúng giỗ nhang khói cho ông bà.

Để bảo đảm trong việc trông coi, thờ tự và nhang khói cho ông bà, tổ tiên ; nên chị gái lớn là bà Nguyễn Thị N1 (hiện đang sinh sống tại Mỹ) có bàn bạc thống nhất trong các anh, chị em uỷ quyền cho ông Nguyễn N đứng chủ sở hữu ngôi nhà, đất trên. Đồng thời giải quyết khó khăn cho ông Nguyễn N, các chị em ông là bà Nguyễn Thị M, Nguyễn T1, Nguyễn Thị N2 mỗi người 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để không phải bán căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất khoảng 69m². Do cần có số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để chị Nguyễn Thị N1 về nước Họp gia đình giải quyết căn nhà, đất của cha, ông nói các con góp tiền cho ông Nguyễn Nắng M1, Nguyễn Anh T cho ông Nguyễn Nắng M1 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và Nguyễn Văn H1 cho mượn 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Ngày 23/01/2014 bà Nguyễn Thị N1 lập giấy uỷ quyền cho ông Nguyễn N, ông N giao cho Nguyễn Thị M, Nguyễn T1, Nguyễn Thị N2 mỗi người 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Các anh chị, em đã ký vào giấy uỷ quyền nhận tiền. Ông Nguyễn N quá khó khăn, nên bà Nguyễn Thị N1 cùng tất cả anh,

chị em thống nhất gửi lại cho ông Nguyễn Nắng 5 (số tiền này ông Nguyễn Nắng M1 của Nguyễn Văn H1) để chị Nguyễn Thị N1 đứng ra giải quyết. Ngày 03/03/2014 chị Nguyễn Thị N1 tổ chức Họp gia đình và tiến hành lập giấy uỷ quyền lại toàn bộ nhà tự, địa chỉ: tổ B, khu phố G, phường H, giao cho ông Nguyễn N được trọn quyền định đoạt, sử dụng kể từ ngày 3/3/2014 Biên bản họp Hội đồng gia tộc đã nhất trí, bằng lòng giao toàn bộ ngôi nhà trên cho ông N là anh trai cả trong gia đình, được trọn quyền định đoạt, sử dụng kể từ ngày 3/3/2014, tất cả các thành viên trong nhà đồng ý ký tên. Để xác định lại nguồn gốc nhà ở và đất ở, đồng thời khẳng định lại trong quá trình mua nhà của ông Trần Thanh H2 cho đến khi cha của ông là cụ Nguyễn B chết, không có sự tranh chấp hay kiện tụng, hoặc kê biên tài sản để bảo đảm thực hiện quyết định hành chính trong việc trả nợ vay. Vì vậy, nên ngày 18/5/2014, ông N đến Uỷ ban nhân dân (UBND) phường H làm giấy xác nhận về nguồn gốc nhà ở, đất ở là hợp pháp nhằm bảo đảm trong việc chia di sản thừa kế sau này. Như vậy, ông Nguyễn N chính thức được các anh, chị em trong gia đình giao cho ông Nguyễn N đứng chủ sở hữu ngôi nhà trên, không cho bất cứ ai khác thay ông Nguyễn N làm chủ sở hữu mảnh đất trên.

Do ông Nguyễn N chưa có tiền trả lại cho T và H1 nên ông Nguyễn N chỉ để cho Nguyễn Anh T ở và sử dụng phần nhà phía trên diện tích khoảng 44 m^2 và Nguyễn Văn H1 ở và sử dụng căn nhà, đất (nhà bếp phía dưới) diện tích khoảng hơn 23m^2, T và H1 không có quyền định đoạt nhà và đất mà ông Nguyễn N giao cho sử dụng. Ông N chỉ đồng ý cho T và H1 được sửa nhà khi nhà xuống cấp, hư hỏng. Năm 2018 thì T xây sửa nhà; Năm 2020 thì H1 cũng xây, sửa nhà. Nhưng năm 2023 ông N mới biết Nguyễn Anh T làm hồ sơ xin cấp sổ đỏ đứng tên Nguyễn Anh T toàn bộ nhà và đất của cụ Nguyễn B mà không có ý kiến của ông, cũng như ý kiến của các anh, chị, em trong nhà. Việc Nguyễn Anh T đã âm thầm làm (sổ đỏ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà trong gia đình không hề ai hay biết. Trong khi đó gia tộc thống nhất giao cho ông đứng tên làm chủ sở hữu mảnh đất trên, đồng thời ông cũng không làm bất cứ loại giấy tờ nào như: Hợp đồng tặng cho, mua bán hoặc giấy uỷ quyền cho con trai ông là ông Nguyễn Anh T đứng tên làm (sổ đỏ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và tài sản khác gắn liền với đất

Nay ông N khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 793482, thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích 67,6m^2 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Anh T vào ngày 18/12/2014.

*** Người bị kiện: Không có văn bản trình bày ý kiến**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Anh T trình bày:**

Ông T không đồng ý huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BS 793482, thửa đất số 542, tờ bản đồ

số 12, diện tích đất 67.6m², do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Anh T vào ngày 18/12/2014, theo yêu cầu của ông Nguyễn N với lý do sau: căn nhà cấp 4, nằm trên diện tích đất 67,6m², toạ lạc tại Khu phố G, phường H. thành phố P, tỉnh Bình Thuận là của ông nội ông tên là Nguyễn B (chết năm 2008) tạo lập, và không để lại di chúc, căn nhà đã xuống cấp và hư hỏng.

Nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 67.6m², nay là thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 67.6m².

Năm 2013 cha ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn N nói ông và ông H1 đưa cho ông số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu) trị giá bằng căn nhà cấp 4 diện tích đất 67.6m² để cô Nguyễn Thị N1 về Việt Nam chia cho các cô, chú và cha ông Nguyễn Anh T đều có hoàn cảnh khó khăn và không phải bán căn nhà, đất cho người ngoài. Ông Nguyễn Anh T và ông H1 đồng ý đi mượn tiền đã đưa cho ông Nguyễn Nắng .

Ông Nguyễn Anh T và vợ là bà Nguyễn Thị Thanh Đ đưa cho cha 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Còn Nguyễn Văn H1 và vợ là Trần Thị Q đưa cho cha 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Đến ngày 23/01/2014 cô Nguyễn Thị N1 về và làm giấy ủy quyền cho ông Nguyễn N, giao tiền cho các cô Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N2, chú Nguyễn T1 và cha Nguyễn N mỗi người 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Ngày 03/03/2014 cô Nguyễn Thị N1 họp gia đình và làm giấy uỷ quyền lại toàn bộ nhà, đất trên, giao cho cha ông Nguyễn Anh T được trọn quyền định đoạt, sử dụng nay là thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 67,6m².

Ông N đã giao nhà, đất cho 02 hai anh em ông Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn H1 trọn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt phần nhà nằm trên đất tương ứng với số tiền mà ông T và H1 đã đưa, cụ thể:

Vợ chồng ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Thanh Đ đưa cho cha 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu) bằng diện tích đất 44m² có nhà cấp 4 nằm trên đất và phần nhà trước. Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị Q đưa cho cha 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) bằng diện tích đất 23m² có nhà cấp 4 nằm trên đất, phần nhà bếp phía sau. Vợ chồng ông T và vợ chồng ông H1 đã nhận nhà, đất; đã sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt, sinh sống.

Do căn nhà hư hỏng, xuống cấp phải xây dựng lại, ông Nguyễn Anh T nhờ người đến phường hỏi thì được giải thích khu vực nhà đất của anh, em ông đang có đợt cấp Giấy chứng nhận (số đỏ) sau khi được cấp Giấy chứng nhận thì xin cấp phép xây dựng. Lúc đó ông Nguyễn Anh T không hiểu gì (do mù chữ) nên chỉ nói qua với cha về việc ông Nguyễn Anh T đi nhờ người ta làm giấy xin cấp Giấy chứng nhận thửa đất đứng tên ông Nguyễn Anh T còn ai sử dụng phần nào thì gia đình tự giải quyết, ông Nguyễn Anh T không nghe cha ông nói gì cả. Nên

ông Nguyễn Anh T đã đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ năm 2014 phần nhà nằm trên đất của ai thì người đó sở hữu, quản lý, sử dụng và định đoạt, không ai tranh chấp.

Đến năm 2020 vợ chồng ông T xây nhà lại trên diện tích đất 44m²; Đến năm 2022 vợ chồng H1 xây nhà nằm trên diện tích đất 23m².

Ngày 24/8/2022 cha ông T có lập biên bản cam kết đã chia cho ông 44m² đất và ông Nguyễn Văn H1 23m² đất và đã nhận tiền của anh em ông Nguyễn Anh T. Gần đây vào cuối năm 2023 cha ông Nguyễn Anh T lại nghe người ta nói vào ra nên làm đơn khiếu nại, đơn khởi kiện yêu cầu huỷ sổ số: BS 793482, thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 67,6m², do UBND thành phố P cấp đứng tên ông Nguyễn Anh T vào ngày 18/12/2014.

Vợ chồng ông Nguyễn Anh T nghe vậy có đi hỏi người ta nói anh, em đứng tên chung trong Giấy chứng nhận là được. Vợ chồng ông Nguyễn Anh T nói với ông Nguyễn Văn H1 đi cập nhật lại sổ đưa tên ông Nguyễn Văn H1 vào giấy chứng nhận đứng tên chung nhưng ông H1 không chịu.

Tại buổi đối thoại ngày 24/4/2024 và ngày 03/5/2024: Cha ông T xác nhận và khẳng định đã nhận tiền và giao nhà, đất cho 02 anh, em ông được trọn quyền sở hữu, quản lý sử dụng và định đoạt theo phần: Nguyễn Anh T diện tích đất 44m² có nhà cấp 4 nằm trên đất là phần nhà trước. Nguyễn Văn H1 diện tích đất 23m² có nhà cấp 4 nằm trên đất, phần nhà bếp phía sau. Hiện 02 anh, em đã xây dựng lại nhà mới trên đất đúng vị trí, đúng diện tích.

Nay ông T đề nghị giữ nguyên Giấy chứng nhận đã cấp và đồng ý cập nhật tên của Nguyễn Văn H1 vào giấy chứng nhận. Vì diện tích của H1 không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, nhưng H1 không chịu và yêu cầu bỏ 23m² đất của H1 ra ngoài Giấy chứng nhận.

Vì vậy, ông Nguyễn Anh T kính đề nghị Toà án giải quyết không huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 793482; ông T được quyền đi cập nhật lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BS 793482 diện tích 44m² đất và tách diện tích đất 23m² của H1 ra khỏi Giấy chứng nhận số: BS 793482. Trường hợp Nguyễn Văn H1 đồng ý đứng tên chung thì đề nghị Toà án giải quyết xử cho được cập nhật tên ông Nguyễn Văn H1 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 793482. Nếu không được ông T cũng đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan , ông Nguyễn Văn H1 trình bày**: Năm 2020 ông có nhờ người đo đạc vào thửa đất tranh chấp để đo đạc cấp sổ đứng tên chung ông và ông Nguyễn Anh T nhưng ông Nguyễn Anh T không đồng ý. Vì vậy ông H1 mới nhờ cha là ông Nguyễn N khởi kiện ra Tòa để lấy lại phần đất của ông là khoảng 23m^2. Ông H1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông

Nguyễn N đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 793482 thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích 67,6m² do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Anh T vào ngày 18/12/2014.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Đ trình bày:** Thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Anh T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Q trình bày:** Thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn H1.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn N giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà Đ, ông H1, bà Q thống nhất hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Việc UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Anh T là chưa đúng đối tượng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 793482 đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích 67,6m² do UBND thành phố P cấp cho ông Nguyễn Anh T vào ngày 18/12/2014. Đề nghị giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt: Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Xuân V vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

[2] Về đối tượng bị kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Người khởi kiện yêu cầu đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt GCNQSDĐ) số: BS 793482 đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích 67,6m² do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Anh T vào ngày 18/12/2014. GCNQSDĐ do Ủy ban nhân dân thành phố P đã cấp phát sinh trong các hoạt động trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, là quyết định hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013, khoản 1, khoản 2, khoản 9 Điều 3, Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận với quan hệ pháp luật là *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* và người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 23/11/2023 Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản số 6849/UBND-ĐBGT trả lời ông Nguyễn N về việc không hủy GCNQSDĐ vì lý do nội dung đơn của ông là tranh chấp về dân sự . Ngày 05/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận nhận đơn khởi kiện của ông N. Vì vậy ông N khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, về thẩm quyền cấp và cấp đổi các GCNQSDĐ: tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013, quy định thẩm quyền cấp GCNQSDĐ lần đầu của hộ gia đình, cá nhân thuộc về UBND cấp huyện. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố P cấp GCNQSDĐ là đúng thẩm quyền.

[5] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai các đương sự tại phiên tòa, việc ông T làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn có nhiều mâu thuẫn. Về thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông T, nguồn gốc sử dụng đất ghi: ông T nhận chuyển nhượng từ ông Trần Thanh H2 là không đúng về nguồn gốc, trong khi đó ông T, cũng như các đương sự khác đều thừa nhận đất có nguồn gốc của cụ Nguyễn B mua của ông Trần Thanh H2. Cụ B chết chưa định đoạt tài sản. Các con cụ B là họp bàn giao cho ông N và ông N, các con góp tiền đưa cho chị, em ông N tổng cộng là 200.000.000 đồng. Sau đó ông N cho hai con là T và H1 xây nhà ở theo phần tiền góp vào. Do đó UBND phường H xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để quy chủ cho ông T là không đúng đối tượng. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất do UBND phường H xác nhận và chịu trách nhiệm. Ủy ban nhân dân thành phố P căn cứ vào xác nhận của UBND phường H và các cơ quan liên quan để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là không chính xác.

[6] Như vậy, từ những nhận định trên, HĐXX nhận thấy Ủy ban nhân dân thành phố P cấp GCNQSDĐ cho ông T là sai đối tượng, yêu cầu hủy giấy

CNQSDĐ là có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính theo quy định pháp luật. Người khởi kiện là người cao tuổi thuộc diện miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

- Khoản 1, khoản 2, khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính;

- Khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003;

- Khoản 5 Điều 98, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013;

- Điểm a khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 793482 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Anh T vào ngày 18/12/2014 đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích 67,6m².

2.2.Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/6/2025. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BT;
- UBND tỉnh BT
- Cục THADS tỉnh BT;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương